

Bản án số: 64/2020/HS-ST  
Ngày 16-9-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Thọ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Bà Đinh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Quàng Văn H**, sinh năm 1989 tại tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản K, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn P và bà Lường Thị O; vợ là Lò Thị T và có 01 con sinh năm 2009; tiền án: Tại bản án số 26/2017/HSST ngày 29-11-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10-4-2008 bị Công an thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng có mang theo vũ khí thô sơ; ngày 14-8-2009 bị Công an thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính số tiền 850.000 đồng về hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản; ngày 26-4-2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 20 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”; ngày 28-8-2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22-4-2020 và bị tạm giam từ ngày 25-4-2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên toà.

**2. Trịnh Huy S**, sinh năm 1996 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh H và bà Đỗ Thị M; vợ là Nguyễn Hà D và có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 07-11- 2019 bị Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi cất giữ trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 23-7-2014 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị tạm giữ từ ngày 17-4-2020 và bị tạm giam từ ngày 23-4-2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị A, sinh ngày 05-8-2002; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Phố Tr, phường D, thị xã T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Chị Lò Thị Th, sinh năm 1988; nơi cư trú: Bản K, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16-4-2020, Quảng Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius biển số 26B1-5xxx từ chỗ H đang thuê trọ ở phố N, phường D, thị xã T, tỉnh Hà Nam đến nhà Trịnh Huy S ở thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam để đón S đi chơi. H chở S đi từ xã Đại Cương theo QL1A (Đoạn tránh thành phố Phủ Lý) đến xã Nhật Tân. Trên đường đi đến lối rẽ vào UBND xã Nhật Tân, H nhìn thấy chị Nguyễn Thị A, sinh ngày 05-8-2002 ở thôn P, xã Đ, huyện K đang điều khiển xe đạp điện biển số 90MD1-2xxx chở chị Nguyễn Thảo V (là em của chị A) đi phía trước cùng chiều. H điều khiển xe mô tô đi theo xe của chị A thì nhìn thấy trên học đựng đồ bên trái của xe đạp điện đang để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. H nói với S “Lên lái xe”, S lách người lên điều khiển xe, H lùi lại ngồi phía sau và nói với S “Áp sát vào” (S hiểu ý H bảo S điều khiển xe đi sát vào xe của chị A đang đi). S lái xe đi áp sát vào bên trái xe đạp điện của chị A, H dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động ở học đựng đồ của xe đạp điện của chị A, biết H đã lấy được chiếc điện thoại nên S tăng ga bỏ chạy. Sau khi lấy được chiếc điện thoại, S điều khiển xe chở H đến cửa hàng điện

thoại di động Tr ở phường D, thị xã T, S nói với anh Tr “Anh bỏ khóa chiếc điện thoại này cho em”, H nói “Thôi em bán luôn bảy trăm năm mươi nghìn”, đồng thời H hỏi mua lại chiếc điện thoại OPPO A37 của H đã bán cho anh Tr trước đó. Anh Tr đồng ý mua chiếc điện thoại OPPO A5S với giá 750.000 đồng rồi bán lại chiếc điện thoại OPPO A37 cho H với giá 300.000 đồng, anh Tr đưa S 450.000 đồng, S đưa cho H 100.000 đồng, S giữ lại số tiền 350.000 đồng. S và H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Vật chứng thu giữ gồm: Tạm giữ của anh Nguyễn Văn Tr 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S màu đỏ đen; tạm giữ của Quàng Văn H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius biển số 26B1-5xxx; tạm giữ của chị Nguyễn Thị A 01 vỏ điện thoại màu trắng, bên ngoài có chữ OPPO A5S.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 21-4-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kim Bảng kết luận: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đỏ nhãn hiệu OPPO A5S đã qua sử dụng có giá hiện tại trên thị trường là 1.650.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT - VKSKB ngày 25-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị cáo Quàng Văn H, Trịnh Huy S về tội "*Cróp giết tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S: Xử phạt bị cáo H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo S từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn Tr 750.000 đồng. Về vật chứng: trả lại cho chị Lò Thị Th chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius biển số 26B1-5xxx sau khi chị Th có trách nhiệm nộp số tiền 2.000.000 đồng là 1/2 giá trị chiếc xe để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo Quàng Văn H, Trịnh Huy S đều khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bản thân.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập.

[3] Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 16 giờ ngày 16-4-2020, tại đường liên thôn 2, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, Trịnh Huy S điều khiển xe mô tô biển số 26B1-5xxx chở Quàng Văn H phía sau áp sát vào bên trái xe đạp điện do chị Nguyễn Thị A điều khiển (chở em gái là Nguyễn Thảo V) đi phía trước cùng chiều để H dùng tay phải cướp giật chiếc điện thoại di động OPPO A5S trị giá 1.650.000 đồng của chị A để ở hộc để đồ bên trái của xe đạp điện. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại S tăng ga điều khiển xe mô tô bỏ chạy và đi đến cửa hàng điện thoại di động Tr ở phường D, thị xã T, tỉnh Hà Nam bán chiếc điện thoại được 750.000 đồng S và H chia nhau tiêu xài. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*Cướp giật tài sản*" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây tâm lí hoang mang cho người dân trong việc quản lí tài sản cũng như khi tham gia giao thông, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lí nghiêm khắc, cách li các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án này, bị cáo Quàng Văn H là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên giữ vai trò chính. Bị cáo Trịnh Huy S đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

[6] Khi quyết định hình phạt, xét cả hai bị cáo đều có nhân thân rất xấu, bị cáo H đang có một tiền án nên phải chịu một tình tiết tăng nặng "*Tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, ngoài ra H cũng đã hai lần bị kết án và hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính; đối với bị cáo S đã một lần bị

kết án và đang có một tiền sự, tuy nhiên S không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, vì vậy cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với bị cáo S sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cả hai bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng, do đó miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định 01 chiếc điện thoại di động OPPO A5S là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị A nên cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Bảng đã trả lại cho chị A là đúng quy định của pháp luật. Sau khi nhận lại chiếc điện thoại chị A không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với anh Nguyễn Văn Tr đã bỏ ra số tiền 750.000 đồng để mua chiếc điện thoại mà H và S cướp giật được, anh Tr yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền này, tại phiên tòa các bị cáo đều nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh Tr, vì vậy cần buộc H và S phải liên đới bồi thường cho anh Tr số tiền 750.000 đồng.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 26B1-2xxx, theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kim Bảng thì trị giá chiếc xe là 4.000.000 đồng, chiếc xe này là tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung hợp pháp của bị cáo Quảng Văn H với chị Lò Thị Th, khi bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội thì chị Th không biết, do vậy cần trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho chị Th sau khi chị Th thực hiện xong nghĩa vụ nộp số tiền 2.000.000 đồng (1/2 giá trị chiếc xe mô tô của bị cáo) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với anh Nguyễn Văn Tr là người đã mua chiếc điện thoại OPPO A5S nhưng không biết đây là tài sản do H và S cướp giật mà có nên cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Bảng không xử lý về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là có căn cứ.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo. Căn cứ thêm điểm h

khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Quàng Văn H. Căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Huy S. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Căn cứ điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Quàng Văn H, Trịnh Huy S phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn H 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ 22-4-2020.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Huy S 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 17-4-2020.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của anh Nguyễn Văn Tr. Buộc bị cáo Quàng Văn H và bị cáo Trịnh Huy S có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn Tr số tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Chia phần bị cáo Quàng Văn H và bị cáo Trịnh Huy S mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Tr số tiền là 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

**3. Về vật chứng của vụ án:**

- Trả lại cho chị Lò Thị Th 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng, biển số 26B1-5xxx, số máy 5C64-920360, số khung 920371 (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26-8-2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) sau khi chị Th thực hiện xong nghĩa vụ nộp 1/2 giá trị của chiếc xe là 2.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

**4. Về án phí:** Buộc các bị cáo Quàng Văn H, Trịnh Huy S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Thọ**















